

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề có 2 trang)

MÃ ĐỀ: 413

Cho nguyên tử khối:

C = 12; O = 16; S = 32; Cl = 35,5; Na = 23; Al = 27; Cr = 52; Fe = 56; Cu = 64; Ag = 108.

Câu 1: Thể tích (lít) khí Cl_2 (ở đktc) cần dùng để oxi hóa hoàn toàn 0,15 mol Crom là

- A. 5,04. B. 3,36. C. 6,72. D. 10,08.

Câu 2: Dung dịch loãng của chất nào sau đây hòa tan được Cu?

- A. FeCl_2 . B. NaOH. C. HCl. D. AgNO_3 .

Câu 3: Cho dung dịch Ca(OH)_2 vào dung dịch $\text{Ca(HCO}_3)_2$ sẽ

- A. không có hiện tượng gì. B. có kết tủa trắng.
C. có kết tủa trắng và sủi bọt khí. D. có bọt khí thoát ra.

Câu 4: Nguyên tắc chung để điều chế kim loại là

- A. khử ion kim loại trong các hợp chất. B. điện phân nóng chảy oxit kim loại.
C. điện phân dung dịch muối của kim loại. D. khử oxit kim loại bằng CO hay H_2 .

Câu 5: Hấp thụ hết 3,36 lít CO_2 (đktc) vào dung dịch Ca(OH)_2 dư, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được m gam kết tủa. Giá trị của m là

- A. 25. B. 30. C. 20. D. 15.

Câu 6: Nguyên tử Fe ($Z = 26$) có cấu hình electron là

- A. $[\text{Ar}]3d^8$. B. $[\text{Ar}]3d^64s^2$. C. $[\text{Ar}]4s^23d^6$. D. $[\text{Ar}]3d^74s^1$.

Câu 7: Cho các kim loại: Na, Cu, Al, Mg, Ag. Số kim loại phản ứng được với dung dịch $\text{Fe(NO}_3)_3$ là

- A. 5. B. 2. C. 4. D. 3.

Câu 8: Cho các phát biểu sau:

- (a) Nước cứng là nước có chứa nhiều ion Ca^{2+} , Mg^{2+} .
(b) Để làm mất tính cứng vĩnh cửu của nước có thể dùng dung dịch Ca(OH)_2 .
(c) Không thể dùng dung dịch Ca(OH)_2 để làm mềm nước có tính cứng tạm thời.
(d) Bột nhôm được trộn với bột sắt oxit (gọi là hỗn hợp tecmit) dùng để hàn đường ray.

Số phát biểu đúng là

- A. 1. B. 3. C. 2. D. 4.

Câu 9: Khử hoàn toàn a gam bột đồng (II) oxit bằng H_2 dư thu được 7,2 gam đồng kim loại. Giá trị của a là

- A. 25,0. B. 9,0. C. 7,2. D. 11,0.

Câu 10: Trong phản ứng với chất nào dưới đây, Fe chỉ bị oxi hóa đến số oxi hóa +2?

- A. khí O_2 . B. S (lưu huỳnh).
C. dung dịch HNO_3 dư. D. khí Cl_2 .

Câu 11: Khí nào sau đây **không** gây ngộ độc?

- A. NO_2 . B. CO. C. SO_2 . D. CO_2 .

Câu 12: Sục khí X vào nước brom thấy nước brom bị nhạt màu. Khí X có thể là

- A. N_2 . B. HCl. C. SO_2 . D. CO_2 .

Câu 13: Cấu hình electron lớp ngoài cùng của nguyên tử kim loại kiềm thổ là

- A. ns^2 . B. ns^1 . C. ns^2np^1 . D. $(n-1)d^xns^y$.

Câu 14: Cần V ml dung dịch HCl 0,1M để trung hòa vừa hết 200ml dung dịch Ca(OH)_2 0,01M. Giá trị của V là

- A. 400. B. 20. C. 40. D. 200.

Câu 15: Thành phần hóa học chính của quặng boxit là

- A. Al_2O_3 . B. CaSO_4 . C. Fe_2O_3 . D. CaCO_3 .

Câu 16: Phản ứng nào sau đây **sai**?

- A. $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3 + 3\text{MgCl}_2 \rightarrow 2\text{AlCl}_3 + 3\text{MgSO}_4$.
B. $\text{HCl} + \text{NaAlO}_2 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{NaCl} + \text{Al(OH)}_3$.
C. $\text{NaOH} + \text{Al(OH)}_3 \rightarrow \text{NaAlO}_2 + 2\text{H}_2\text{O}$.
D. $2\text{NaHCO}_3 + \text{Ca(OH)}_2 \rightarrow \text{Na}_2\text{CO}_3 + \text{CaCO}_3 + 2\text{H}_2\text{O}$.

- Câu 17:** Trong quá trình điện phân nóng chảy NaCl để điều chế kim loại natri, ở anot xảy ra quá trình
 A. oxi hóa ion clorua. B. khử ion clorua. C. oxi hóa ion natri. D. khử ion natri.
- Câu 18:** Trong phòng thí nghiệm, để bảo quản Na người ta ngâm Na trong
 A. C_2H_5OH . B. H_2O . C. dầu hoả. D. dung dịch $CuSO_4$.
- Câu 19:** Cho m gam Al tác dụng hoàn toàn với dung dịch NaOH dư thu được 13,44 lít H_2 (đktc). Giá trị của m là
 A. 32,4. B. 16,2. C. 13,5. D. 10,8.
- Câu 20:** Cho các dung dịch riêng biệt: H_2SO_4 , $Ca(OH)_2$, Na_2SO_4 . Chỉ với một lượt thử, có thể phân biệt các dung dịch trên bằng
 A. dung dịch NaOH. B. dung dịch $BaCl_2$. C. quỳ tím. D. dung dịch HCl.
- Câu 21:** Hòa tan hết m gam Fe cần vừa đủ 0,12 mol H_2SO_4 trong dung dịch loãng. Giá trị của m là
 A. 13,44. B. 3,36. C. 6,72. D. 4,48.
- Câu 22:** Dẫn không khí bị ô nhiễm đi qua giấy lọc tẩm dung dịch $Pb(NO_3)_2$ thấy dung dịch xuất hiện màu đen. Không khí đó đã bị nhiễm bản khí nào sau đây?
 A. Cl_2 . B. H_2S . C. NO_2 . D. SO_2 .
- Câu 23:** Trong những chất sau, chất nào **không** có tính lưỡng tính?
 A. $NaHCO_3$. B. Al_2O_3 . C. $Al(OH)_3$. D. $ZnSO_4$.
- Câu 24:** Công thức của muối sắt (II) sunfat là
 A. $FeSO_4$. B. $Fe_3(SO_4)_2$. C. $Fe(NO_3)_2$. D. $Fe_2(SO_4)_3$.
- Câu 25:** Chất nào dưới đây có màu lục thẫm?
 A. CrO_3 . B. Cr_2O_3 . C. Na_2CrO_4 . D. $K_2Cr_2O_7$.
- Câu 26:** Nung 14,56 gam bột kim loại crom trong bình đựng khí oxi thu được 18,40 gam hỗn hợp hai chất rắn. Cho toàn bộ chất rắn này tác dụng hoàn toàn với dung dịch H_2SO_4 loãng, dư, đun nóng, thu được V lít khí (đktc). Giả sử trong trường hợp này không có phản ứng từ Cr^{3+} về Cr^{2+} . Giá trị của V là
 A. 0,896. B. 2,688. C. 4,032. D. 1,344.
- Câu 27:** Hỗn hợp X gồm Fe_2O_3 và Cu có số mol bằng nhau. Cho X vào dung dịch HCl dư, khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được dung dịch Y. Dung dịch Y **không** tác dụng với
 A. dung dịch $NaNO_3$. B. dung dịch $KMnO_4$. C. Fe. D. Cu.
- Câu 28:** Cho hỗn hợp gồm Na và Al có tỉ lệ mol tương ứng là 1:2 vào nước (dư). Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 8,96 lít khí H_2 (đktc) và m gam chất rắn không tan. Giá trị của m là
 A. 10,8. B. 5,4. C. 7,8. D. 43,2.
- Câu 29:** Hòa tan hoàn toàn 2,7 gam Al và 5,6 gam Fe trong dung dịch HNO_3 loãng, dư, thu được tối đa V lít khí NO (đktc, sản phẩm khử duy nhất). Giá trị của V là
 A. 4,48. B. 6,72. C. 3,73. D. 8,96.
- Câu 30:** Cho 6,72 gam Fe vào 0,3 mol H_2SO_4 đậm đặc, đun nóng, chỉ tạo thành sản phẩm khử duy nhất là SO_2 . Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được m gam muối. Giá trị của m là
 A. 35,52. B. 24,00. C. 18,24. D. 21,12.
- Câu 31:** Hòa tan hoàn toàn hỗn hợp gồm 1,12 gam Fe và 1,44 gam FeO bằng 300 ml dung dịch HCl 0,4 M, thu được dung dịch X. Cho dung dịch $AgNO_3$ dư vào X, thu được khí NO (sản phẩm khử duy nhất của N^{+5}) và m gam kết tủa. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của m là
 A. 21,54. B. 17,22. C. 20,46. D. 18,30.
- Câu 32:** Thực hiện các thí nghiệm sau:
 (a) Cho từ từ đến dư dung dịch NH_3 vào dung dịch hỗn hợp $AlCl_3$, $ZnSO_4$.
 (b) Sục từ từ đến dư khí H_2S vào dung dịch hỗn hợp $CuCl_2$ và $FeCl_2$.
 (c) Sục từ từ đến dư khí CO_2 vào dung dịch hỗn hợp $BaCl_2$ và NaOH.
 (d) Cho từ từ đến dư dung dịch H_2SO_4 vào dung dịch hỗn hợp $NaAlO_2$ và Na_2CO_3 .
 (e) Sục từ từ đến dư khí SO_2 vào dung dịch hỗn hợp $MgCl_2$ và $BaCl_2$.
 Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, số thí nghiệm thu được kết tủa là
 A. 1. B. 4. C. 2. D. 3.

----- HẾT -----

Học sinh không được sử dụng bảng Hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học

Họ, tên học sinh:..... Lớp: